

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 03 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2015

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014	8- 9
Báo cáo KQKD hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014	11
TM Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014	12 - 32
Phụ lục tài sản cố định hữu hình (Phụ lục số 01)	33
Phụ lục tài sản cố định vô hình (Phụ lục số 02)	34
Phụ lục nguồn vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 03)	35
Phụ lục lợi ích cổ đông thiểu số (Phụ lục số 04)	36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**THÔNG TIN CHUNG**

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 61/2003/QĐ-TTg ngày 18/4/2003 của Thủ tướng Chính Phủ. Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo phương án cổ phần đã được chính phủ Phê duyệt theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2013.

Vốn điều lệ : 1.320.000.000.000 Đồng. (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm hai mươi tỷ đồng./.).

Theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển Tổng Công ty Khoáng sản và Thương Mại Hà Tĩnh thành Công ty cổ phần: Vốn điều lệ là 1.320.000.000 tỷ đồng tương ứng với 132.000.000 cổ phần trong đó

Cổ phần nhà nước nắm giữ 109.560.000 cổ phần chiếm 83% vốn điều lệ;

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động 960.400 cổ phần chiếm 0,73% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 19.541.800 cổ phần chiếm 14,8% vốn điều lệ

Cổ phần bán cho nhà đầu tư bên ngoài 1.937.800 cổ phần chiếm 1,47% vốn điều lệ

Trong đó vốn đến thời điểm 31/12/2014 (đơn vị tính đồng)

Nội Dung	Số tiền theo quyết định của 463/QĐ-UBND	Số vốn thực góp	Số vốn còn góp thiếu
Vốn nhà nước	1.095.600.000.000	1.072.153.914.618	23.446.085.382
Vốn của các cổ đông	28.982.000.000	28.982.000.000	-
Cổ đông chiến lược	195.418.000.000	-	195.418.000.000
Tổng cộng	1.320.000.000.000	1.101.135.914.618	218.864.085.382

Các Công ty con hợp nhất

Tên	Tỉ lệ sở hữu	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Giống và vật tư NN Mitraco	100%	Thôn Hòa Thịnh, Xã Thiên Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh
Công ty TNHH ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco	100%	Số 2, Vũ Quang, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	60,6%	Khu CN Hạ Vàng, Thiên Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh
Công ty CP Vận tải và Xây dựng	65,0%	Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh
Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	56,0%	Xã Kỳ Tiến, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh

Công ty TNHH Việt Lào	100,0%	Bản Bùng Houana - Xebangfay - Khămmouane - Lào
Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	58,6%	Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh
Công ty CP May Hà Tĩnh	52,6%	Số 450 đường Hà Huy Tập, TP. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh
Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	60,0%	Xóm 10, Thị trấn Đức Thọ, Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh
Công ty CP Thương mại Mitraco	73,0%	Số 2, Vũ Quang, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco	63,8%	Tổ 12 Thị trấn Cẩm Xuyên, Huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
Công ty CP Thiên Ý 2	75,0%	Thị trấn Thiên Cẩm, Huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh
Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	60,0%	Xã Kỳ Phương, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
Công ty CP Vật liệu và phụ gia	91,9%	Xóm 4, Xã Xuân Lĩnh, Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh
Công ty CP Cảng Vũng Áng	53,0%	Xã Kỳ Lợi, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
Công ty TNHH Thực phẩm CB Mitraco	100%	Xã Kỳ Trinh, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
Công ty CP Khoáng sản Mangan	51,0%	Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác chế biến kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;
- Sản xuất VLXD từ đất sét; SX sản phẩm gốm sứ khác; SX xi măng, vôi và thạch cao; SX bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong XD: Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, thương mại du lịch, nhà hàng, văn phòng cho thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;
- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ tuyển chọn lao động ở Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài;
- Bốc xếp hàng hóa: Kinh doanh xếp dỡ, giao nhận hàng hóa đường biển và đường bộ;
- Chăn nuôi trâu bò, lợn, Hươu, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: SX chế biến thực phẩm chức năng từ nhung hươu;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả;

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh và XNK xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Trồng và chế biến các loại thủy sản; Sản xuất giống thủy sản;
- SX phân bón và hợp chất Nito: SX và kinh doanh phân bón hữu cơ;
- SX phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe: SX linh kiện phụ tùng ô tô;
- SX hàng may sẵn (trừ trang phục); May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thương mại tổng hợp, XNK hàng tiêu dùng: Điện lạnh, điện dân dụng, xe máy, bếp ga, dây, dép, quần, áo, hàng gốm sứ, dụng cụ thể thao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà, đất, kinh doanh văn phòng cho thuê; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp đến 35KV. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị, kinh doanh nhà;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Lập dự án đầu tư, thẩm tra dự án, tư vấn đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, tư vấn thiết kế, quy hoạch, thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Nhân và chăm sóc giống Nông nghiệp: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu hạt giống rau quả, giống cây lương thực chất lượng cao; SX và kinh doanh giống cây ăn quả; SX và kinh doanh giống thủy sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không: dịch vụ bán vé máy bay trong nước và quốc tế;

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính có:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Trương Hữu Trung	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Dương Tất Thắng	Ủy viên
3 Bà Nguyễn Thị Hà	Ủy viên
4 Ông Nguyễn Văn Bình	Ủy viên
5 Ông Võ Văn Lưu	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc:

1 Ông Dương Tất Thắng	Tổng Giám đốc
2 Bà Nguyễn Thị Hà	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
3 Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
4 Ông Võ Văn Lưu	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1 Ông Phùng Văn Tân	Trưởng Ban
2 Ông Đào Anh Dũng	Thành viên

Tổng Công ty có trụ sở tại: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

2. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

3. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

- Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp.
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc.
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến hết ngày 31/12/2014 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan.
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Số dư đầu kỳ không có số liệu vì đây là giai đoạn hoạt động đầu tiên Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần. Số cuối kỳ ngày 28/02/2014 được chuyển sang Công ty cổ phần như một khoản phát sinh trong kỳ theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về hướng dẫn sửa đổi chế độ kế toán
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP chuyển sang hình thức hoạt động theo Công ty cổ phần từ 01/03/2014. Do đó Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là 10 tháng hoạt động còn các Báo cáo tài chính của Công ty con là năm tài chính năm 2014.

ĐẠI DIỆN

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP



Tổng Giám đốc
Dương Tất Thắng

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi@fpt.vn

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

AICA

Số: 57 /2015/BCTC.BCKT.CPAHANOI

Hà Nội ngày 29 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014
của Tổng công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN & THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014 của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh-CTCP được lập ngày 12/03/2015 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất như đã trình bày từ trang 08 đến trang 36 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh-CTCP tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn hoạt động tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Dò

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 0231-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		921.361.458.585	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		78.140.502.109	-
1. Tiền	111	V.01	78.140.502.109	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		281.321.433.549	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	281.321.433.549	
III. Các khoản phải thu	130		126.045.464.132	-
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	84.404.285.334	
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	39.046.392.152	
3. Các khoản phải thu khác	138	V.05	13.327.498.014	
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(10.732.711.368)	
IV. Hàng tồn kho	140		367.229.892.920	-
1. Hàng tồn kho	141	V.06	369.268.767.555	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.038.874.635)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.624.165.875	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.467.024.299	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.728.827.055	
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.07	34.476.582.813	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	13.951.731.708	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.140.057.075.962	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		838.014.993.475	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	662.590.546.325	-
- Nguyên giá	222		1.128.587.431.148	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(465.996.884.823)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	17.235.584.043	-
- Nguyên giá	228		22.737.715.191	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.502.131.148)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		V.11	158.188.863.107	
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		242.926.740.452	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		232.559.201.152	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	10.367.539.300	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		59.115.342.035	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	52.805.618.610	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.050.730.925	
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.258.992.500	
VI. Lợi Thế Thương mại			1.889.560.028	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.063.308.094.575	-

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		721.184.617.764	-
I. Nợ ngắn hạn	310		560.475.342.492	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	200.063.984.165	
2. Phải trả người bán	312	V.15	64.580.854.516	
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	17.226.669.035	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	9.137.151.092	
5. Phải trả công nhân viên	315		42.182.356.536	
6. Chi phí phải trả	316	V.18	19.527.370.482	
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	186.163.255.949	
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi			21.593.700.717	
II. Nợ dài hạn	330		160.709.275.272	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		755.387.678	
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	141.827.141.778	
7. Doanh thu chưa thực hiện			18.126.745.816	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.119.789.062.392	-
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.119.789.062.392	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.101.135.914.618	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.585.620.465	
4. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		(40.728.290)	
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.993.646.726	
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.897.324.133	
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.217.284.740	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			222.334.414.420	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.063.308.094.575	-

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Minh



Nguyễn Thị Hà



Dương Tất Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.22	1.152.040.343.063	
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.22	6.631.317.719	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.23	1.145.409.025.344	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.24	900.275.355.377	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		245.133.669.967	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.25	12.638.780.945	-
7. Chi phí tài chính	22	VI.26	32.509.359.316	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.998.902.233	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.27	67.766.967.327	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.28	73.287.557.572	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84.208.566.697	-
11. Thu nhập khác	31	VI.29	32.372.299.331	-
12. Chi phí khác	32	VI.30	21.034.372.813	-
13. Lợi nhuận khác	40		11.337.926.518	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95.546.493.215	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	28.636.682.708	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.756.955.262)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		68.666.765.769	-
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			42.987.247.198	-
19. Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)			25.679.518.571	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			623,6	-

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Bùi Văn Minh

Nguyễn Thị Hà

Dương Tất Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã Số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.567.816.816.720	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(1.056.410.803.043)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(146.417.111.774)	
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(22.842.995.563)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(67.199.798.149)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	110.283.900.718	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(206.740.497.555)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	178.489.511.354	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.105.109.103)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.603.949.340	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(563.717.368.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	347.799.597.575	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.330.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	199.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.624.806.113	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(238.925.124.075)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	16.289.537.262	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hành	32	(3.300.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	331.965.737.747	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(407.830.841.067)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.596.284.565)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(87.175.150.623)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(147.610.763.344)	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	225.755.580.192	-
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(4.314.739)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	78.140.502.109	-

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Minh



Nguyễn Thị Hà




THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 61/2003/QĐ-TTg ngày 18/4/2003 của Thủ tướng Chính Phủ. Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo phương án cổ phần đã được chính phủ Phê duyệt theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2013.

Vốn điều lệ : 1.320.000.000.000 Đồng. (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm hai mươi tỷ đồng./.).

Theo Quyết định số 463/Q Đ-UBND ngày 17/02/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển Tổng Công ty Khoáng sản và Thương Mại Hà Tĩnh thành Công ty cổ phần: Vốn điều lệ là 1.320.000.000 tỷ đồng tương ứng với 132.000.000 cổ phần trong đó

Cổ phần nhà nước nắm giữ 109.560.000 cổ phần chiếm 83% vốn điều lệ;

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động 960.400 cổ phần chiếm 0,73% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 19.541.800 cổ phần chiếm 14,8% vốn điều lệ

Cổ phần bán cho nhà đầu bên ngoài 1.937.800 cổ phần chiếm 1,47% vốn điều lệ

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác chế biến kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ.
- Sản xuất VLXD từ đất sét; SX sản phẩm gốm sứ khác; SX xi măng, vôi và thạch cao; SX bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong XD: Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, thương mại du lịch, nhà hàng, văn phòng cho thuê;
Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;

- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo dạy nghề;

Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ tuyển chọn lao động ở Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài

- Bốc xếp hàng hóa: Kinh doanh xếp dỡ, giao nhận hàng hóa đường biển và đường bộ;

- Chăn nuôi trâu bò, lợn, Hươu, gia cầm

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: SX chế biến thực phẩm chức năng từ nhung hươu;

Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;

Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: SX chế biến thực phẩm chức năng từ nhung hươu;

Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
Chế biến và bảo quản rau quả;

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh và XNK xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;

Nuôi trồng thủy sản nội địa: Trồng và chế biến các loại thủy sản; Sản xuất giống thủy sản;

SX phân bón và hợp chất Nito: SX và kinh doanh phân bón hữu cơ;

SX phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe: SX linh kiện phụ tùng ô tô;

SX hàng may sẵn (trừ trang phục); May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);

Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thương mại tổng hợp, XNK hàng tiêu dùng: Điện lạnh, điện dân dụng, xe máy, bếp ga, dây, dép, quần, áo, hàng gốm sứ, dụng cụ thể thao;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà, đất, kinh doanh văn phòng cho thuê; Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp đến 35KV. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị, kinh doanh

Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Lập dự án đầu tư, thẩm tra dự án, tư vấn đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

Nhân và chăm sóc giống Nông nghiệp: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu hạt giống rau quả, giống cây lương thực chất lượng cao; SX và kinh doanh giống cây ăn quả; SX và kinh doanh giống thủy sản;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không: dịch vụ bán vé máy bay trong nước và quốc tế;

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu chuyển sang Công ty CP từ ngày 01/03 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.

Niên độ kế toán tiếp theo bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng:

Tổng Công ty đã áp dụng hình thức Nhật ký chung, thực hiện trên phần mềm máy tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Công ty liên kết, liên doanh:

Các công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo các thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các hoạt động tài chính và kế hoạch chiến lược. Các Công ty liên kết liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các sổ dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữ mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

2. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính và giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền và tương đương tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

3.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

- Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

- Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

3.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá hàng xuất kho: đối với hàng hóa theo phương pháp đích danh, nguyên vật liệu, thành phẩm theo phương pháp nhập trước xuất trước).

3.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 25 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 20 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty bao gồm: các khoản đầu tư ngắn hạn khác.

6.2 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và các thông tư sửa đổi bổ sung kèm theo.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Tổng Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

9. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

- 9.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 9.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.
- 9.3 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: được áp dụng theo thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

10. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- 11.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- 11.2 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

14.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

14.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- Thuế giá trị gia tăng: Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế Tỉnh Hà Tĩnh. Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định. Khi kết thúc năm tài chính đơn vị lập các Báo cáo thuế Giá trị gia tăng theo qui định hiện hành.
- Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	8.377.394.505	
- Tiền gửi Ngân hàng	69.063.107.604	
Tiền gửi ngân hàng (VND)	62.065.198.568	
Tiền gửi ngân hàng (USD)	530.554.726	
Tiền gửi ngân hàng (KIP)	6.452.359.234	
Tiền gửi ngân hàng (BATH)	14.995.076	
- Tiền đang chuyển	700.000.000	
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	78.140.502.109	-
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	Cuối năm	Đầu năm
Công ty mẹ	34.277.834.028	
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	100.000.000	
Đầu tư ngắn hạn khác	34.177.834.028	
Công ty CP Thủy điện Hương sơn	2.000.000.000	
Công ty CP May Hà Tĩnh		
Công ty CP Vận tải		
Công ty CP PT nông lâm Hà Tĩnh		
Công ty CP Cơ khí và xây lắp Mitraco		
Công ty CP Gạch ngói Đồng Nai - Hà Tĩnh		
Công ty CP Khoáng sản Mangan		
Tiền gửi có kỳ hạn (trên 3 tháng)	32.177.834.028	
Công ty TNHH MTV Giống và vật tư NN Mitraco	2.700.000.000	
Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	6.000.000.000	
Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	226.205.920	
Công ty CP Vận tải và Xây dựng	400.000.000	
Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	237.717.393.601	
Cộng	281.321.433.549	0
3. Phải thu khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
Công ty mẹ	31.598.871.486	
Công ty TNHH MTV Giống và vật tư NN Mitraco	3.611.390.450	
Công ty TNHH MTV ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco	612.384.000	
Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	7.337.286.389	
Công ty CP Vận tải và Xây dựng	427.583.000	
Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	3.865.157.878	
Công ty TNHH Việt Lào	7.770.232.649	
Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	740.209.000	
Công ty CP May Hà Tĩnh	1.300.921.610	
Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	551.661.980	
Công ty CP Thương mại Mitraco	5.380.311.925	

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

	Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco	953.957.427	
	Công ty CP Thiên Ý 2	779.474.570	
	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	4.751.347.046	
	Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê	1.320.485.048	
	Công ty CP Khoáng sản Mangan	1.376.987.598	
	Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	11.791.820.595	
	Công ty TNHH Thực phẩm Mitraco	234.202.683	
	Cộng	84.404.285.334	-
4	Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
	Công ty mẹ	16.981.375.202	
	Công ty TNHH MTV Giống và vật tư NN Mitraco	64.090.489	
	Công ty TNHH MTV ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco	6.632.275.134	
	Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	522.104.462	
	Công ty CP Vận tải và Xây dựng	447.879.786	
	Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	120.840.123	
	Công ty TNHH Việt Lào		
	Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	6.442.802.553	
	Công ty CP May Hà Tĩnh	5.820.350	
	Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	2.205.962.984	
	Công ty CP Thương mại Mitraco	1.121.577.395	
	Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco	386.743.179	
	Công ty CP Thiên Ý 2		
	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	2.831.880.270	
	Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê	100.000.000	
	Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	1183040225	
	Cộng	39.046.392.152	-
5	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
-	Phải thu khác		-
+	Công ty mẹ	4.208.133.692	-
	Chương trình xây dựng nông thôn mới	30.000.000	
	Hội đồng bồi thường Hỗ trợ tái định cư H Kỳ Anh	2.627.416.100	
	Ban chuẩn bị Dự án Liên doanh Mitraco và Fineton	105.700.000	
	Bảo hiểm xã hội	489.067.151	
	Công ty cổ phần chăn nuôi Mitraco	-	
	Công ty TNHH Việt Lào	-	
	Công ty TNHH Thương mại Hoàng Long	312.715.898	
	Dự án Hợp Kim Sắt	87.120.000	
	Dự án nhà thu nhập thấp	88.881.818	
	Ngân hàng Ngoại thương	41.148.248	
	Sở Tài nguyên Môi trường	328.558.000	
	Nguyễn Anh Thắng	4.612.000	

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		92.914.477	
		8.775.484.172	
Công ty TNHH MTV Giống và vật tư NN Mitraco		21.475.102	
Công ty TNHH MTV ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco		105.648.049	
Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc		5.109.169	
Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh		850.000	
Công ty TNHH Việt Lào		349.341.667	
Công ty CP Chăn nuôi Mitraco		4.635.196.458	
Công ty CP May Hà Tĩnh		1.460.213.636	
Công ty CP Thiên Ý 2		445.536.686	
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco		1.100.000	
Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh		57.148.050	
Công ty CP Thương mại Mitraco		23.830.835	
Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh		1.288.025.000	
Công ty CP Vận tải và Xây dựng		198.530.000	
Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê		183.479.520	
Công ty CP Khoáng sản Mangan		7.884.000	
Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào		335.996.150	
Cộng		13.327.498.014	-
6	Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
-	Nguyên vật liệu	68.766.247.566	
-	Công cụ dụng cụ	2.932.977.256	
-	Chi phí SXKD dở dang	149.751.571.824	
-	Thành phẩm	130.637.034.614	-
-	Hàng hoá	17.180.936.295	-
	Cộng	369.268.767.555	-
-	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.038.874.635	
	Giá trị thuần	367.229.892.920	
*	<i>Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả:</i>		
*	<i>Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:</i>		
*	<i>Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:</i>		
7	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
-	Công ty mẹ	30.107.902.122	
-	Công ty TNHH MTV ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco	3.826.368.599	
-	Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	300.000.000	
-	Công ty TNHH Việt Lào	121.115.762	
-	Công ty CP Thiên Ý 2	2.968.200	

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	50.000.000	
	Công ty CP Vận tải và Xây dựng	67.542.041	
	Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê	686.089	-
	Cộng	34.476.582.813	-
8	Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
-	Công ty mẹ	3.438.949.165	
-	Công ty TNHH MTV Giống và vật tư NN Mitraco	49.226.002	-
-	Công ty TNHH MTV ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco	2.346.664.978	
-	Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	439.291.489	
-	Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	112.672.595	
-	Công ty TNHH Việt Lào	3.739.900.486	
-	Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	227.240.790	
-	Công ty CP May Hà Tĩnh	179.464.737	
-	Công ty CP Thiên Ý 2	1.074.130.291	
-	Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco	172.834.859	
-	Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	112.375.692	
-	Công ty CP Thương mại Mitraco	787.663.195	
-	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	301.673.281	
-	Công ty CP Vận tải và Xây dựng	59.353.000	
-	Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê	118.896.996	
-	Công ty CP Khoáng sản Mangan	3.500.000	
-	Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	389.620.200	
-	Công ty TNHH thực phẩm Mitraco	398.273.952	
	Cộng	13.951.731.708	-
9	Tài sản cố định hữu hình		<Phụ lục số 1>
10	Tài sản cố định vô hình		<Phụ lục số 2>
11	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Cuối năm	Đầu năm
	Công ty mẹ	121.375.047.814	
	Mua sắm tài sản cố định		-
	Xây dựng cơ bản	121.375.047.814	
	Công ty TNHH Việt Lào	4.256.539.165	
	Mua sắm tài sản cố định	2.314.207.819	
	Xây dựng cơ bản	1.942.331.346	
	Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	19.650.599.332	
	Mua sắm tài sản cố định	61.963.911	
	Xây dựng cơ bản	19.588.635.421	
	Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	7.507.021.153	
	Công ty CP Thương mại Mitraco	12.000.000	
	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	3.647.894.413	
	Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	20.132.111	
	Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	1.719.629.119	
	Cộng	158.188.863.107	-

12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty mẹ	10.300.000.000	
Công ty CP Thiên Ý 2	67.539.300	
Cộng	10.367.539.300	-

13 Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty mẹ	3.409.421.734	
- Công ty TNHH MTV Giống và vật tư NN Mitraco	550.918.000	
- Công ty TNHH MTV ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco	50.584.159	
- Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	1.424.562.821	
- Công ty TNHH Việt Lào	2.163.299.940	
- Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	14.074.311.698	
<i>Chi phí trong g/d triển khai ko đủ ghi nhận TS</i>	<i>14.074.311.698</i>	
- Công ty CP Máy Hà Tĩnh	2.410.069.812	
- Công ty CP Thiên Ý 2	1.113.239.630	
- Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco	148.176.834	
- Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	18.556.059.750	
<i>Lợn giống hậu bị</i>	<i>6.865.000.000</i>	
<i>Lợn giống ông bà</i>	<i>4.449.102.487</i>	
<i>Lợn đực HB</i>	<i>183.500.000</i>	
<i>Khảo sát giếng ở Đức Long</i>	<i>30.000.000</i>	
<i>CCDC</i>	<i>7.028.457.263</i>	
- Công ty CP Thương mại Mitraco	903.367.496	
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.903.694.497	
- Công ty CP Vận tải và Xây dựng	1.556.406.244	
- Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê	852.164.503	
- Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	3.186.128.772	
- Công ty CP Khoáng sản Mangan	503.512.720	
Cộng	52.805.618.610	-

14 Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	200.063.984.165	-
Công ty mẹ	128.864.367.860	
<i>Vietcombank - CN Hà Tĩnh</i>	<i>126.864.367.860</i>	
<i>Ngân hàng Quân đội- CN Hà Tĩnh</i>	<i>2.000.000.000</i>	
Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	16.784.568.393	
<i>Ngân hàng Vietcombank</i>	<i>16.784.568.393</i>	
Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	4.805.757.174	
<i>Ngân hàng VCB - Hà Tĩnh</i>	<i>4.805.757.174</i>	
Công ty TNHH Việt Lào	20.029.997.351	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng Lào Việt</i>	<i>20.029.997.351</i>	
Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	8.000.000.000	
<i>Vay Ngắn hạn NH Ngoại Thương</i>	<i>8.000.000.000</i>	
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco	2.303.024.400	
<i>Ngân hàng Ngoại thương</i>	<i>2.303.024.400</i>	

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	6.000.000.000
<i>Ngân hàng Ngoại Thương</i>	<i>6.000.000.000</i>
Công ty CP Thương mại Mitraco	8.772.233.000
<i>Ngân hàng Ngoại Thương Hà Tĩnh (*)</i>	<i>8.772.233.000</i>
Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.672.338.126
<i>Ngân hàng Ngoại Thương</i>	<i>1.672.338.126</i>
Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê	459.106.490
Công ty CP Khoáng sản Mangan	2.372.591.371
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương</i>	<i>2.372.591.371</i>
- Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	-

Cộng	200.063.984.165	-
-------------	------------------------	----------

- Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HD14/2545 ngày 14/04/2014. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, khai thác chế biến các quặng.
- Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HD14/2590 ngày 22/07/2014. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, khai thác chế biến các quặng.
- Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HD14/2640 ngày 26/09/2014. Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, khai thác chế biến các quặng.
- Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HD14/2685 ngày 30/10/2014. Hạn mức tín dụng là 8.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HD14/2694 ngày 14/11/2014. Hạn mức tín dụng là 22.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HD14/2699 ngày 05/12/2014. Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- Khoản vay của ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hà Tĩnh theo khế ước số LD1421300345 ngày 01/08/2014. Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng. Lãi suất 7,1%/ năm. Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 85.14.758.1666888.BD ngày 31/07/2014. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay vốn để thanh toán tiền mua hàng thạch cao.

15	Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
	Công ty mẹ	9.130.812.901	
	Công ty TNHH MTV Giống và vật tư NN Mitraco	8.571.073.376	
	Công ty TNHH MTV ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco	7.267.374.472	
	Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	12.125.148.807	

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

	Công ty CP Vận tải và Xây dựng	265.817.515	
	Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	1.808.610.650	
	Công ty TNHH Việt Lào	10471114965	
	Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	655.937.921	
	Công ty CP May Hà Tĩnh	278.916.355	
	Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	878.435.512	
	Công ty CP Thương mại Mitraco	1.850.651.416	
	Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco	1.517.210.903	
	Công ty CP Thiên Ý 2	590.151.233	
	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.980.786.819	
	Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê	837.365.516	
	Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	5456758984	
	Công ty CP Khoáng sản Mangan	579.253.171	
	Công ty TNHH thực phẩm Mitraco	315.434.000	
	Cộng	64.580.854.516	-
16	Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
-	Công ty mẹ	2.233.741.113	
-	Công ty TNHH MTV Giồng và vật tư NN Mitraco	1.427.903.925	
-	Công ty TNHH MTV ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco	500.085	
-	Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	54.592.441	
-	Công ty CP Vận tải và Xây dựng	1.167.504.100	
-	Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	15.953.982	
-	Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	1.558.929.092	
-	Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	438.228.000	
-	Công ty CP Thương mại Mitraco	462.231.505	
-	Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco	2.224.802.716	
-	Công ty CP Thiên Ý 2	3.312.878	
-	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	64.300.400	
-	Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê	68.612.599	
-	Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	7.075.525.322	
-	Công ty CP Khoáng sản Mangan	403.305.535	
-	Công ty TNHH thực phẩm Mitraco	27.225.342	
	Cộng	17.226.669.035	-
17	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
-	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.449.050.709	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.846.452.935	
-	Thuế thu nhập cá nhân	230.198.792	
-	Thuế tài nguyên	1.963.750.218	
-	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	38.289.550	
-	Các loại thuế khác	46.154.752	-
-	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.563.254.136	-
	Cộng	9.137.151.092	-

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

18	Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
-	Công ty mẹ	222.790.797	
-	Công ty CP thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	19.152.530	
-	Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	8.622.415.001	
	Chi phí lãi vay phải trả Tổng Cty Khoáng sản & TM Hà Tĩnh	2.384.390.000	
	Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Ngoại Thương	1.400.888.213	
	Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng PT VN - CN Hà Tĩnh	4.837.136.788	
-	Công ty TNHH Việt Lào	2.113.261.154	
	CP sửa chữa lớn tài sản cố định	246.720	
	CP sửa chữa đường nội bộ	944.146.363	
	Chi phí đào tạo	287.937.574	
	Chi phí hoàn trả môi trường	880.419.029	
	Chi phí Marketing	511.468	
-	Công ty CP Thiên Ý 2	14.663.000	
-	Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	8.535.088.000	
	Trích trước CP sửa chữa lớn cơ sở hạ tầng Xi nghiệp	4.340.000.000	
	Trích trước CP nạo vét bến số 1,2 năm 2014	3.000.000.000	
	Trích trước CP kiểm định bến số 2 Cảng Vũng Áng	659.000.000	
	Trích trước CP tư vấn chiến lược phát triển Cảng Vũng Áng	126.888.000	
	Chi phí phải trả khác	409.200.000	
	Cộng	19.527.370.482	-
19	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
-	Tài sản thừa chờ giải quyết	302.838.971	-
-	Kinh phí công đoàn	532.197.052	
-	Bảo hiểm xã hội	1.091.273.619	
-	Bảo hiểm y tế	88.839.137	
-	Doanh thu chưa thực hiện	238.149.458	
-	Các khoản phải trả, phải nộp khác	183.400.209.931	
-	Dư Có Tài khoản 138	23.667.473	-
-	Bảo hiểm thất nghiệp	59.307.447	
-	Phải trả khác (Dư Có TK 141)	426.772.861	-
	Cộng	186.163.255.949	-
20	Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
a.	Vay dài hạn (*)		-
	Công ty mẹ	62.764.904.166	
	NH phát triển Việt Nam CN Hà Tĩnh	1.899.904.166	
	Quỹ đầu tư và phát triển Hà Tĩnh	25.000.000.000	
	Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	600.000.000	
	Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Hà Tĩnh (VND)	35.265.000.000	
	Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Mitraco	-	
	Công ty CP Gạch ngói & VLXD Đồng Nai - Hà Tĩnh	22.151.106.774	
	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh	6.394.000.000	
	Ngân hàng Phát triển Hà Tĩnh	15.757.106.774	
	Công ty CP Chăn nuôi Mitraco	25.756.350.031	

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

Vay Ngân hàng Ngoại Thương	25.756.350.031
Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	25.369.739.776
NH Ngoại thương CN Hà Tĩnh	25.369.739.776
Công ty CP Thương mại Mitraco	-
Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.925.434.030
Ngân hàng Ngoại thương	1.925.434.030
Công ty CP Vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê	350.000.000
Công ty CP Cảng Vũng Áng Việt - Lào	2.694.607.001
Ngân hàng NN và PTNT Hà Tĩnh	2.694.607.000
Công ty TNHH MTV ĐTXD & PT Hạ Tầng Mitraco	815.000.000
Công ty CP Thiên Ý 2	-
Cộng	141.827.141.778

Hợp đồng tín dụng đầu tư số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 24/06/2009 số tiền 17.700.000.000 đồng, lãi suất cho vay 6,9%/năm. Thời hạn vay tối đa là 6 năm (72 tháng), thời gian ân hạn tối đa (kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên) 10 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Tiền vay được sử dụng để đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy nghiền bột Thạch Cao theo Quyết định phê duyệt đầu tư số 435/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2006 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ.

Hợp đồng tín dụng vay vốn 01/2011/HĐTD-ĐP ngày 13/09/2011 số tiền 25 tỷ lãi suất năm đầu là 0%, từ năm thứ 2 trở đi lãi vay cụ thể do Hội đồng quản lý quỹ hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh quy định. Thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích khoản vay là góp vốn điều lệ vào Công ty CP Sắt Thạch Khê theo công văn số 2874/QĐ-UBND Tỉnh ngày 31/08/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Hợp đồng tín dụng số 14/2650/VCBHTi ngày 11/12/2014. Hạn mức tín dụng 48.840.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất theo lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3% năm. Lãi suất hiện tại là 9%/năm. Mục đích vay: thực hiện dự án nhà máy chế biến súc sản Mitraco.

21	Vốn chủ sở hữu	Cuối năm	Đầu năm
a.	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	<Phụ lục số 3>	
b.	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm	Đầu năm
-	Vốn góp của nhà nước	1.072.153.914.618	
-	Vốn góp của các cổ đông	28.982.000.000	
	Cộng	1.101.135.914.618	
* c.	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành <đồng/CP> Các quỹ của Công ty	10.000 Cuối năm	10.000 Đầu năm
-	Quỹ đầu tư phát triển	7.993.646.726	
-	Quỹ dự phòng tài chính	4.897.324.133	
-	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	Cộng	12.890.970.859	

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/03 đến ngày 31/12/2014	Kỳ trước
	đồng	đồng
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.152.040.343.063	
- Doanh thu hoạt động KD khác		
Cộng	1.152.040.343.063	-

22 Các khoản giảm trừ

	Từ ngày 01/03 đến ngày 31/12/2014	Kỳ trước
	đồng	đồng
- Các khoản giảm trừ doanh thu	6.631.317.719	
Cộng	6.631.317.719	-

23 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/03 đến ngày 31/12/2014	Kỳ trước
	đồng	đồng
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.145.409.025.344	
- Doanh thu thuần hoạt động KD khác		
Cộng	1.145.409.025.344	-

24 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/03 đến ngày 31/12/2014	Kỳ trước
	đồng	đồng
- Giá vốn bán hàng và dịch vụ đã cung cấp	900.275.355.377	
Cộng	900.275.355.377	-

25 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/03 đến ngày 31/12/2014	Kỳ trước
	đồng	đồng
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.010.584.004	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.000.000	
- Lãi CLTG đánh giá lại số dư cuối kỳ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	425.079.560	
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	43.894.656	
- Lãi bán hàng trả chậm	138.222.725	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	12.638.780.945	-

26 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/03 đến ngày 31/12/2014	Kỳ trước
	đồng	đồng
- Chi phí lãi vay	13.761.147.979	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.098.812.527	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	154.033.602	
- Chi phí tài chính khác	495.365.208	
Cộng	32.509.359.316	-

27 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/03 đến ngày 31/12/2014	Kỳ trước
	đồng	đồng
- Chi phí nhân viên	11.405.872.034	
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.260.562.720	
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	642.690.250	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.895.934.129	
- Chi phí Quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, thưởng khác	362.727.285	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.290.565.369	
- Chi phí bằng tiền khác	18.908.615.540	
Cộng	67.766.967.327	-

28 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/03 đến ngày 31/12/2014	Kỳ trước
	đồng	đồng
- Chi phí nhân viên quản lý	36.227.964.651	
- Chi phí vật liệu quản lý	441.940.608	
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.865.065.785	

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.850.198.083	
- Thuế, phí và lệ phí	842.999.979	
- Chi phí dự phòng	2.451.938.243	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.780.448.311	
- Chi phí bằng tiền khác	17.827.001.912	

Cộng**73.287.557.572****-****29 Thu nhập khác**Từ ngày 01/03 đến
ngày 31/12/2014

Kỳ trước

đồng

đồng

- Thu nhập khác

32.372.299.331

Cộng**32.372.299.331****-****30 Chi phí khác**Từ ngày 01/03 đến
ngày 31/12/2014

Kỳ trước

đồng

đồng

- Chi phí khác

21.034.372.813

Cộng**21.034.372.813****-****31 Chi phí thuế TNDN hiện hành**Từ ngày 01/03 đến
ngày 31/12/2014

Kỳ trước

đồng

đồng

- Chi phí thuế TNDN năm hiện hành

28.636.682.708

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước vào năm nay

-**Cộng****28.636.682.708****0****32 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**Từ ngày 01/03 đến
ngày 31/12/2014

Kỳ trước

đồng

đồng

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN

68.666.765.769

- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán phân bổ

- Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông phổ thông

68.666.765.769

- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân

- **Lãi cơ bản trên cổ phiếu****623,60**

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**33 Công cụ tài chính****1- Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty thực hiện việc quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty bao gồm: Vốn điều lệ (+) với thặng dư vốn cổ phần, trừ (-) đi cổ phiếu quỹ (nếu có).

2- Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là tài sản mà qua đó Tổng Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị hợp lý
- Tiền	78.140.502.109
- Tương đương tiền	
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	97.731.783.348
	175.872.285.457

3- Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Tổng Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư tại ngày 31/12/2014

- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	341.891.125.943
- Phải trả người bán	64.580.854.516
- Phải trả khác	186.163.255.949
	592.635.236.408

4- Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Tổng Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa, công cụ, dụng cụ từ các nhà cung cấp trong nước và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán nguyên liệu, hàng hóa, công cụ, dụng cụ. Rủi ro này Tổng Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các nước và khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán để điều chỉnh giá hợp lý.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại, dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

34 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng Công ty con.

35 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh : Đây là giai đoạn đầu tiên Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP hoạt động theo hình thức Tổng Công ty cổ phần.

36 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

37 Những thông tin khác

- Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Tổng Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau.

Người lập biểu



Bùi Văn Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc



Dương Tất Thắng

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TỈNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 - Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

Phụ lục số 1

Đơn vị tính: Đồng

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, VKT	MMTB	PTVT	TBQL	Vườn cây lâu năm	TSCĐ khác	Cây trồng, Vật Nuôi	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình								
Số dư đầu năm	714.667.132.137	267.962.946.410	110.907.974.399	4.502.405.615	-	4.283.197.317	4.079.757.607	1.106.403.413.485
- Mua trong năm	6.349.900.814	17.709.013.686	7.257.264.975	961.815.453	64.000.000	82.769.273		32.424.764.201
- Đầu tư XDCB HT	31.910.051.116	3.367.380.262	280.429.326	2.030.653.382	-	-		37.588.514.086
- Tăng khác	5.634.264.211	419.732.125	770.074.498	883.070.980	-	-		7.707.141.814
- Chuyển BĐS ĐT	-	-	-	-	-	-		-
- TL, nhượng bán	4.882.961.052	6.911.430.730	41.919.544.894	181.224.838	-	82.769.273		53.977.930.787
- Giảm khác		132.235.825	6.498	34.413.628	-	-	1.391.815.700	1.558.471.651
Số dư cuối năm	753.678.387.226	282.415.405.928	77.296.191.806	8.162.306.964	64.000.000	4.283.197.317	2.687.941.907	1.128.587.431.148
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	195.554.558.340	166.000.975.947	59.894.609.047	2.721.919.296		2.615.739.137	2.989.808.957	429.777.610.724
- Khấu hao trong năm	36.287.434.071	25.084.827.315	7.927.627.633	777.258.494	10.666.668	382.916.725	827.192.643	71.297.923.549
- Tăng khác	20.041.707	31.123.300	-	-	-	-		51.165.007
- Chuyển BĐS ĐT	-	-	-	-	-	-		-
- TL, nhượng bán	2.605.794.499	6.759.674.958	23.868.483.644	181.224.838	-	6.096.447		33.421.274.386
- Giảm khác	2.375.004	132.235.825	312.589.081	29.240.413	-	-	1.232.099.748	1.708.540.071
Số dư cuối năm	229.253.864.615	184.225.015.779	43.641.163.955	3.288.712.539	10.666.668	2.992.559.415	2.584.901.852	465.996.884.823
Giá trị còn lại của TSCĐ HH								
- Tại ngày đầu năm	519.112.573.797	101.961.970.463	51.013.365.352	1.780.486.319	-	1.667.458.180	1.089.948.650	676.625.802.761
- Tại ngày cuối năm	524.424.522.611	98.190.390.149	33.655.027.851	4.873.594.425	53.333.332	1.290.637.902	103.040.055	662.590.546.325

Người lập biểu



Bùi Văn Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc



Dương Tất Thắng

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH-CTCP

Địa chỉ: Số 2 - Vũ Quang - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động

Từ ngày 01/03/2014 đến 31/12/2014

Phụ lục số 2

Đơn vị tính: Đồng

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền SD đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ VH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ VH					
Số dư đầu năm	16.715.119.581	1.588.706.290	-	4.223.889.320	22.527.715.191
- Mua trong năm	-	210.000.000	-	-	210.000.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB HT tăng					-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	16.715.119.581	1.798.706.290	-	4.223.889.320	22.737.715.191
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.516.522.932	1.568.706.287	-	1.073.703.611	4.158.932.830
- Khấu hao trong năm	835.755.984	33.499.996	-	473.942.338	1.343.198.318
- Đầu tư XDCB HT tăng	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.352.278.916	1.602.206.283	-	1.547.645.949	5.502.131.148
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	15.198.596.649	20.000.003	-	3.150.185.709	18.368.782.361
- Tại ngày cuối năm	14.362.840.665	196.500.007	-	2.676.243.371	17.235.584.043

Người lập biểu



Bùi Văn Minh

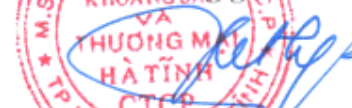
Kế toán trưởng



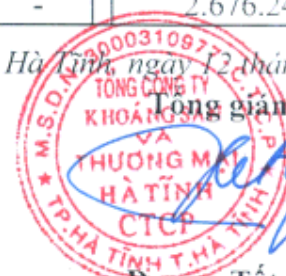
Nguyễn Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc



Dương Tất Thắng



BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

	Vốn đầu tư CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ ĐTP	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	254.610.319.167	3.585.620.465	(99.112.593)	9.016.015.389	6.958.343.348	5.833.703.458	183.733.914	9.471.069.923	289.559.693.070
Tăng vốn trong năm trước	24.469.104.489	-	-	1.436.571.994	496.498.710	-	-	-	26.402.175.194
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	48.648.036.954	48.648.036.954
Tăng khác	24.038.498.752	-	-	2.554.337.084	76.883.409	-	-	5.484.245.688	32.153.964.932
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	11.953.980	-	-	43.167.029.671	43.178.983.652
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	2.744.840.492	2.744.840.492
Giảm khác	-	-	356.850.625	6.434.402.899	4.946.380.873	5.794.628.937	183.733.914	5.453.971.271	23.169.968.518
Số dư cuối năm trước	303.117.922.409	3.585.620.465	(455.963.218)	6.572.521.568	2.573.390.614	39.074.521	-	12.237.511.130	327.670.077.489
Số dư đầu năm nay	1.363.478.083.134	3.585.620.465	(455.963.218)	6.572.521.568	2.573.390.614	39.074.521	-	55.681.036.196	1.431.473.763.280
Tăng vốn trong năm nay	16.039.555.887	-	-	2.965.241.158	1.631.615.311	-	-	-	20.636.412.356
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	68.666.765.769	68.666.765.769
Tăng khác	43.443.525.065	-	-	805.511.934	717.387.474	-	-	112.509.387	45.078.933.859
Giảm vốn trong năm nay	3.031.570	-	30.978.290	-	-	-	-	19.664.817.245	19.698.827.105
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	2.198.487.569	2.198.487.569
Giảm khác	321.822.217.898	-	(446.213.218)	2.349.627.934	25.069.265	39.074.521	-	100.379.721.797	424.169.498.197
Số dư cuối năm nay	1.101.135.914.618	3.585.620.465	(40.728.290)	7.993.646.726	4.897.324.133	-	-	2.217.284.740	1.119.789.062.392

Người lập biểu



Bùi Văn Minh

Kê toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc



Dương Lãi Thắng

LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Phụ lục số 4

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa PP
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.054.846.871	7.037.527.899	(61.529.958)	14.507.195.554	8.575.253.887	17.829.985.608
Tổng Công ty Khoáng sản và Thương Mại Hà Tĩnh - CTCP	319.735.101.415	3.585.620.465	(40.728.290)	7.993.646.726	4.897.324.133	(2.562.099.007)
Lợi ích cổ đông thiểu số	188.319.745.456	3.451.907.434	- 20.801.668	6.513.548.828	3.677.929.754	20.392.084.615

Người lập biểu



Bùi Văn Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc



 Dương Tất Thắng